TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2018.
"V/v:Tranh chấp về hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Lê Khắc Dũng
2. Ông Y Nik Êban
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Yến.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa*:
Ông Nguyễn Tất Tại. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 313/2018/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2018 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 11 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị D Sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang S. sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018, tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Mai Thị D trình bày:

Tôi (D) cùng anh Nguyễn Quang S lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, chúng tôi cưới nhau theo phong tục truyền thống vào ngày 24/4/2007, tuy nhiên vì thiếu hiểu biết, do tại thời điểm cưới anh S không có hộ khẩu tại địa phương nên vợ chồng tôi không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, trong tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng tôi không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, trong thời gian này, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không tìm được tiếng nói chung và cũng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh S.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang C sinh ngày 19/5/2009, sau khi không công nhận vợ chồng tôi có nguyện vọng giao con cho anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Quang C đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tôi tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Quang S tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Quang S trình bày:

Tôi và bà Dcó về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có làm lễ cưới theo phong tục vào ngày 24/4/2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, về nguyên nhân mâu thuẫn như vợ tôi trình bày trong đơn khởi kiện và tại các biên bản làm việc tại Tòa án là đúng, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, chúng tôi không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, nay vợ chồng không còn tình cảm, mỗi người đã có cuộc sống riêng, kính mong Tòa án huyện Ea Kar giải quyết không công nhận tôi và bà Mai Thị D là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang C sinh ngày 19/5/2009, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Quang C đến khi con trưởng thành (tròn 18 tuổi).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tôi tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Mai Thị D tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải thành được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định theo Điều 179, Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua phần trình bày của bị đơn Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 14, 15, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị D và anh Nguyễn Quang S.

Về con chung: Chấp nhận việc thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Quang C, sinh ngày 19/5/2009 cho ông Nguyễn Quang S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về trợ cấp nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Mai Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Quang S. Bị đơn ông Nguyễn Quang S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6A, xã Cư Prông, huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Nguyên đơn bà Mai Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị D và ông Nguyễn Quang S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị D và ông Nguyễn Quang S đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình. Đây là hôn nhân không có giá trị pháp lý và không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu của bà Mai Thị D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Quang S là phù hợp vì trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Quang S và bà Mai Thị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng trong cách sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay. Xét thấy giữa bà D và ông S không còn tình cảm, các đương sự cũng không tự nguyện đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc chị D đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh S là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Mai Thị D và ông Nguyễn Quang S có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang C sinh ngày 19/5/2009, xét thấy cháu Nguyễn Quang C có nguyện vọng được ở với bố là ông Nguyễn Quang S, trong quá trình giải quyết vụ án bà D tự nguyện thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quang C cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Mai Thị D và ông Nguyễn Quang S tự nguyện thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị D và ông Nguyễn Quang S tự nguyện thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004580 ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 9, 14, 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, điểm a Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị D.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Thị D và ông Nguyễn Quang S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang C sinh ngày 19/5/2009 cho anh Nguyễn Quang S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- Về trợ cấp nuôi con chung: Ông Nguyễn Quang S không yêu cầu bà Mai Thị D nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Bà Mai Thị D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0004580 ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện EaKar
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc